

QUYẾT ĐỊNH

CỦA TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN SỐ 126/TCHQ-QĐ NGÀY 8 THÁNG 4 NĂM 1995 VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY CHẾ VỀ HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG GIA CÔNG XUẤT, NHẬP KHẨU VÀ NGUYÊN LIỆU NHẬP KHẨU

ĐỂ SẢN XUẤT HÀNG XUẤT KHẨU.
TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

- Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;
- Căn cứ Pháp lệnh hải quan ngày 20-2-1990;
- Căn cứ Nghị định 16/CP ngày 7-3-1994 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Tổng cục Hải quan;
- Để đảm bảo chức năng quản lý Nhà nước về hải quan, đồng thời góp phần khuyến khích và thúc đẩy hoạt động sản xuất hàng gia công XNK và nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu.
- Xét đề nghị của ông Cục trưởng Cục Giám sát - quản lý về Hải quan,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy chế về chế độ giám sát và quản lý về hải quan đối với hàng gia công cho nước ngoài (kể cả hàng gia công của xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) và nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 90/TCHQ-QĐ ngày 2-8-1994 của Tổng cục Hải quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 4. Các ông thủ trưởng các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục Hải quan, Hiệu trưởng trường Hải quan Việt Nam; ông Cục trưởng Cục Hải quan các tỉnh, thành phố và các doanh nghiệp liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

QUY CHẾ

VỀ QUẢN LÝ HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG GIA CÔNG XUẤT, NHẬP KHẨU VÀ NGUYÊN LIỆU NHẬP KHẨU ĐỂ
SẢN XUẤT HÀNG XUẤT KHẨU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 126/TCHQ-QĐ

ngày 8 tháng 4 năm 1995 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Hàng hoá gia công XNK của các doanh nghiệp Việt Nam (kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) là loại hình tạm nhập khẩu nguyên, phụ liệu của chủ hàng nước ngoài để tạo ra sản phẩm và tái xuất khẩu sản phẩm đó theo yêu cầu của chủ hàng nước ngoài, trên cơ sở hợp đồng gia công đã được Bộ Thương mại phê duyệt và cấp giấy phép (nếu có).

Điều 2. Tất cả hàng hoá gia công từ khi nhập khẩu nguyên, phụ liệu cho đến khi xuất khẩu sản phẩm đều phải chịu sự kiểm tra, giám sát và quản lý của Hải quan và nộp lệ phí hải quan theo quy định.

Điều 3. Toàn bộ sản phẩm gia công phải được xuất trả cho chủ hàng nước ngoài hoặc khách hàng nước ngoài mà chủ hàng thuê gia công chỉ định.

Điều 4.

4.1. Hợp đồng gia công và phụ kiện hợp đồng phải thể hiện đầy đủ các điều khoản như: yêu cầu gia công, mẫu mã, định mức tiêu hao nguyên, phụ liệu, phương thức cung cấp nguyên, phụ liệu; phương thức đảm bảo máy móc, thiết bị; phương thức giao sản phẩm; phương thức thanh toán tiền công gia công và thời gian để hoàn thành hợp đồng gia công hoặc từng phụ kiện của hợp đồng gia công.

4.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng gia công, nếu có điều chỉnh, thay đổi các điều khoản của hợp đồng gia công, doanh nghiệp phải cung cấp cho Hải quan văn bản điều chỉnh đó.

Điều 5. Thủ tục hải quan đối với việc nhập khẩu nguyên, phụ liệu, xuất khẩu sản phẩm gia công thực hiện theo quy định trình nghiệp vụ hải quan hiện hành như đối với một lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu. Ngoài ra do đặc điểm của loại hình gia công, Quy chế này quy định thêm các điểm sau:

5.1. Doanh nghiệp nhận gia công phải mở sổ theo dõi, quản lý hợp đồng gia công cho từng hợp đồng (theo mẫu của Tổng cục hải quan ban hành).

5.2. Đối với hợp đồng gia công kéo dài trong nhiều năm thì mở sổ theo dõi từng phụ kiện hợp đồng, việc thanh, quyết toán như hợp đồng riêng lẻ.

5.3. Mỗi hợp đồng (hoặc phụ kiện hợp đồng) phải mở hai sổ theo dõi, một sổ do doanh nghiệp giữ, một sổ lưu tại Hải quan tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đăng ký làm thủ tục chính để thống kê, theo dõi việc nhập nguyên, phụ liệu và xuất sản phẩm từ khi bắt đầu thực hiện hợp đồng gia công cho đến khi kết thúc toàn bộ hợp đồng gia công. Việc sử dụng sổ theo hướng dẫn riêng của Tổng cục Hải quan.

Điều 6.

6.1. Việc đăng ký tờ khai và làm thủ tục hải quan đối với một hợp đồng gia công từ khi nhập khẩu nguyên, phụ liệu đến khi xuất khẩu sản phẩm, duyệt định mức nguyên, phụ liệu, thanh lý hợp đồng chỉ do một đơn vị Hải quan tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đăng ký làm thủ tục Hải quan đảm nhiệm.

6.2. Trường hợp doanh nghiệp được phép nhập khẩu nguyên, phụ liệu, xuất khẩu sản phẩm tại một cửa khẩu ở tỉnh, thành phố khác thì phải đăng ký và làm thủ tục hải quan ở Hải quan tỉnh, thành phố quản lý sổ để tiện theo dõi và thanh khoản hợp đồng. Trong trường hợp đó, Hải quan có cửa khẩu xuất, nhập cho làm thủ tục trên cơ sở bộ hồ sơ đã được Hải quan tỉnh, thành phố quản lý sổ chuyển đến, không yêu cầu doanh nghiệp phải xuất trình sổ quản lý.

CHƯƠNG II. QUẢN LÝ ĐỐI VỚI NGUYÊN,

PHỤ LIỆU NHẬP KHẨU

Điều 7. Các phương thức cung cấp nguyên, phụ liệu gia công được cấp chấp nhận.

7.1. Bên thuê gia công cung cấp toàn bộ nguyên, phụ liệu để thực hiện hợp đồng gia công.

7.2. Bên thuê gia công cung cấp một phần nguyên, phụ liệu; phần còn lại mua tại thị trường Việt Nam. Hải quan tạo thuận lợi cho việc mua nguyên, phụ liệu tại thị trường Việt Nam, không hạn chế số lượng, chủng loại với điều kiện nộp đủ thuế xuất khẩu (nếu có).

Điều 8. Bộ hồ sơ để đăng ký làm thủ tục hải quan đối với nguyên, phụ liệu nhập khẩu gia công bao gồm những chứng từ như quy định với một lô hàng nhập khẩu. Ngoài ra phải nộp